TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/DS-ST
Ngày 25- 11- 2025
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hùng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Văn Trung
2. Bà Trần Thị Nơi

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: bà Nguyễn Thị Gien Ny- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8- Hưng Yên

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Vân- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8- Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc: tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXX-ST ngày 20 tháng 10 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (A); địa chỉ: số B L, phường G, Thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật*: ông Phạm Toàn V- Tổng Giám đốc

- *Người đại diện theo uỷ quyền*: bà Trần Thị Ngọc T- Giám đốc Ngân hàng N- Chi nhánh Q

- *Người được ủy quyền lại*: ông Đào Đình T1- Giám đốc A chi nhánh Q- Phòng G; địa chỉ: thôn A, xã Q, tỉnh Hưng Yên (có mặt)

2. Bị đơn: anh Đỗ Văn B, sinh năm 1982 và chị Mai Thị H, sinh năm 1985; đều ở địa chỉ: thôn X, xã Q, tỉnh Hưng Yên (trước đây là thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình)- đều vắng mặt không có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Đỗ Quang B1, sinh năm 1954 và bà Đỗ Thị V1, sinh năm 1958; đều ở địa chỉ: thôn X, xã Q, tỉnh Hưng Yên (trước đây là thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình)- đều đề nghị xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Anh Đỗ Văn B ký với Ngân hàng N- Chi nhánh Q- Phòng G1 (nay là phòng G) Hợp đồng tín dụng số 3406-LAV-201903399 ngày 14/6/2019 với hạn mức cho vay là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Thời hạn của hạn mức tín dụng là 36 tháng kể từ ngày 14/6/2019 đến ngày 14/6/2022. Ngày 07/7/2021, A đã giải ngân số tiền vay là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng); thời hạn vay 12 tháng từ ngày 07/7/2021 đến ngày 07/7/2022; mục đích vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ và đời sống hộ gia đình (chăn nuôi). Lãi suất cho vay tại thời điểm nhận nợ là 10%/năm trên nợ gốc, lãi suất quá hạn là 15%/năm, lãi suất chậm trả là 10%/năm. Hình thức cho vay không có bảo đảm bằng tài sản. Anh B ký Hợp đồng tín dụng theo giấy ủy quyền của chị H, ông B1 và bà V1 ngày 12/6/2019.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh Đỗ Văn B đã trả số tiền lãi đến ngày 30/6/2023 là 8.997.535 đồng, sau đó anh B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và khoản vay bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 08/7/2022. A đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho anh Đỗ Văn B thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng anh B vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của A.

A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đỗ Văn B, chị Mai Thị H và ông Đỗ Quang B1, bà Đỗ Thị V1 phải liên đới trả Ngân hàng N- Chi nhánh Q số tiền tính đến ngày 25/11/2025 là 65.393.990 đồng (Sáu mươi lăm triệu ba trăm chín mươi ba nghìn chín trăm chín mươi đồng); trong đó: nợ gốc là 45.000.000 đồng; lãi trong hạn là 12.086.250 đồng; lãi quá hạn là 8.307.740 đồng và toàn bộ số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/11/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3406LAV201903399 ngày 14/6/2019.

Trường hợp anh Đỗ Văn B, chị Mai Thị H và ông Đỗ Quang B1, bà Đỗ Thị V1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A yêu cầu cơ quan thi hành án áp dụng biện pháp cần thiết để thu hồi nợ cho đến khi thực hiện hết nghĩa vụ trả nợ cho A.

Bị đơn là anh Đỗ Văn B, chị Mai Thị H đều đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng anh B, chị H đều vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến, yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Quang B1 và bà Đỗ Thị V1 trong biên bản lấy lời khai đều thông nhất trình bày: ông, bà xác nhận có cùng với chị H ủy quyền cho anh B vay Ngân hàng N- Chi nhánh Q- Phòng G1 (nay là phòng G) số tiền 45.000.000 đồng. Đến nay do làm ăn thua lỗ nên anh B chưa trả

được tiền gốc, lãi cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh B, chị H không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 119, 293, 294, 295, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn là anh B, chị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông B1, bà V1 phải liên đới trả (theo kỷ phần) cho Ngân hàng N- Chi nhánh Q toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là anh B, chị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông B1, bà V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ theo kỷ phần. Tuy nhiên, ông B, bà V1 là người cao tuổi có đề nghị xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông B1, bà V1 đều đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh B, chị H đều đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Các đương sự tranh chấp việc thực hiện hợp đồng tín dụng nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình (nay là xã Q, tỉnh Hưng Yên) nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ

luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8- Hưng Yên

[3] Về nội dung:

[3.1] Ngày 14/6/2019, Ngân hàng N- Chi nhánh Q- Phòng G1 (nay là phòng G) có ký Hợp đồng tín dụng số 3406-LAV-201903399 cho anh Đỗ Văn B hạn mức cho vay là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Thời hạn của hạn mức tính dụng là 36 tháng kể từ ngày 14/6/2019 đến ngày 14/6/2022. Ngày 07/7/2021, A đã giải ngân số tiền vay là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật Dân sự và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Nay đã quá hạn trả nợ gốc và lãi nhưng B không thực hiện trả nợ theo hợp đồng là vi phạm các điều khoản trong hợp đồng tín dụng đã ký. Do anh B ký Hợp đồng tín dụng theo giấy ủy quyền của chị H, ông B1 và bà V1 ngày 12/6/2019 nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh B, chị H cùng ông B1, bà V1 phải liên đới trả nợ tiền gốc, tiền lãi tính đến ngày 25/11/2025 là 65.393.990 đồng (Sáu mươi lăm triệu ba trăm chín mươi ba nghìn chín trăm chín mươi đồng); trong đó: nợ gốc là 45.000.000 đồng; lãi trong hạn là 12.086.250 đồng; lãi quá hạn là 8.307.740 đồng là có cơ sở, cần chấp nhận**.** Do anh B, chị H là vợ chồng; ông B1, bà V1 là vợ chồng nên cần chia theo kỷ phần nghĩa vụ trả nợ thành 02 phần đối với vợ chồng anh B, chị H và vợ chồng ông B1, bà V1, mỗi bên phải trả một nửa số tiền nợ gốc, nợ lãi cho A.

[3.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc áp dụng biện pháp cần thiết để thu hồi nợ thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là anh B, chị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông B1, bà V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ theo kỷ phần. Tuy nhiên, ông B, bà V1 là người cao tuổi có đề nghị xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố ụng dân sự; các Điều 116, 117, 463, 466, 317, 319, 320, 323, 293, 298, 299 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (A)

2. Buộc anh Đỗ Văn B, chị Mai Thị H và ông Đỗ Quang B1, bà Đỗ Thị V1 có trách nhiệm liên đới trả Ngân hàng N- Chi nhánh Q toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến hết ngày 25/11/2025 là 65.393.990 đồng (Sáu mươi lăm triệu ba trăm chín mươi ba nghìn chín trăm chín mươi đồng) theo hợp đồng tín dụng số 3406-LAV-201903399 ngày 14/6/2019. Chia theo kỷ phần nghĩa vụ trả nợ cụ thể như sau:

- Anh Đỗ Văn B và chị Mai Thị H có trách nhiệm trả Ngân hàng N- Chi nhánh Q toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến hết ngày 25/11/2025 là 32.696.995 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng)

- Ông Đỗ Quang B1 và bà Đỗ Thị V1 có trách nhiệm trả Ngân hàng N- Chi nhánh Q toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến hết ngày 25/11/2025 là 32.696.995 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng)

Kể từ ngày 26/11/2025, anh Đỗ Văn B, chị Mai Thị H và ông Đỗ Quang B1, bà Đỗ Thị V1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh cho đến ngày thực trả hết nợ cho Ngân hàng N- Chi nhánh Q theo lãi suất quá hạn trên số tiền nợ gốc được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 3406-LAV-201903399 ngày 14/6/2019.

3. Về án phí:

- Ngân hàng N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ngân hàng số tiền 1.563.000 đồng (Một triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000531 ngày 08/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

- Anh Đỗ Văn B và chị Mai Thị H phải nộp 1.634.849 đồng- làm tròn số là 1.635.000 đồng (Một triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đỗ Quang B1 và bà Đỗ Thị V1.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 8, tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 8, Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng